

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX
V/v đặt hàng nhiệm vụ khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo
phát triển các công nghệ chiến lược
và sản phẩm công nghệ chiến lược

Đồng Tháp, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tiếp nhận Công văn số 2314/BKHCN-CN ngày 15/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng đặt hàng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện rà soát, lựa chọn 03 bài toán lớn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển các công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược (kèm theo danh sách đặt hàng).

Kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (vttoan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục 1
DANH SÁCH ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG NGHỆ
CHIẾN LƯỢC VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC
(Kèm theo Công văn số /UBND-KGVX ngày tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ
BÀI TOÁN 1

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tổ chức đặt hàng:** Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Mã định danh điện tử của tổ chức:
- 2. Tên nội dung đặt hàng:** Bản đồ số vùng nguyên liệu và truy xuất nguồn gốc nông sản chủ lực tỉnh Đồng Tháp.
- 3. Tính cấp thiết:**

Hiện nay dữ liệu về vùng nguyên liệu nông nghiệp của tỉnh vẫn còn phân tán ở nhiều cơ quan, đơn vị; thông tin về thổ nhưỡng, nguồn nước, quy hoạch sản xuất, mùa vụ, sản lượng, mã số vùng trồng... chưa được tích hợp trên một nền tảng dữ liệu số thống nhất. Hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện nay chủ yếu tập trung ở cấp sản phẩm hoặc cơ sở sản xuất, chưa gắn kết chặt chẽ với dữ liệu không gian của vùng nguyên liệu, chưa phản ánh đầy đủ mối liên kết trong chuỗi giá trị nông sản từ sản xuất - thu hoạch - chế biến - phân phối.

Bên cạnh đó, yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế đối với nông sản ngày càng cao, đặc biệt là các quy định về minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và kiểm soát chất lượng theo chuỗi cung ứng. Do đó, việc xây dựng một hệ thống dữ liệu số toàn diện về vùng nguyên liệu, có khả năng kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc và các nền tảng số khác là rất cần thiết.

Việc xây dựng Bản đồ số vùng nguyên liệu tỉnh Đồng Tháp tích hợp dữ liệu thổ nhưỡng, nguồn nước, mã số vùng trồng, quy hoạch mùa vụ và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh sẽ tạo ra nền tảng dữ liệu nông nghiệp số thống nhất, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống”, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung. Hệ thống không chỉ hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý nhà nước mà còn giúp doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nâng cao năng lực sản xuất, minh bạch thông tin sản phẩm, tăng khả năng kết nối với thương mại điện tử và logistics, qua đó góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản Đồng Tháp trên thị trường.

4. Mục tiêu:

Xây dựng Bản đồ số vùng nguyên liệu nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp, tích hợp dữ liệu từ cấp xã đến cấp tỉnh; đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng quy trình quản lý, vận hành, cập nhật và chia sẻ dữ liệu nông nghiệp số, bảo đảm dữ liệu được duy trì theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống”; đồng thời tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, hợp tác xã, doanh nghiệp và người sản xuất trong việc khai thác, sử dụng và cập nhật dữ liệu trên hệ thống.

5. Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:

- Bản đồ số vùng nguyên liệu (web/app);
- Bộ cơ sở dữ liệu số "đúng - đủ - sạch - sống";
- Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử đạt tiêu chí yêu cầu:
 - + Tỷ lệ 60 - 70% vùng trồng/vùng nuôi đối với các ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh được số hoá và cập nhật trên bản đồ số vùng nguyên liệu. Mỗi nông sản chủ lực của tỉnh có ít nhất 01 sản phẩm được áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, bảo đảm kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia.
 - + Trên 60% hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản chủ lực tham gia cập nhật và khai thác dữ liệu trên nền tảng nông nghiệp số.
 - + Giảm tối thiểu 30% thời gian và chi phí trong việc xác minh nguồn gốc nông sản phục vụ quản lý nhà nước, kiểm soát chất lượng và giao dịch thương mại.

6. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí: 25.000 triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ: 25.000 triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:.....triệu đồng, từ nguồn

Thời gian: 18 tháng.

7. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại/Email:

8. Tổ chức đặt hàng cam kết:

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cam kết tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch nông nghiệp thông minh

và tích hợp việc kết nối các hộ dân sản xuất nông nghiệp góp phần tăng cường ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

9. Cơ quan Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả (nếu có yêu cầu tiếp nhận): Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ (nếu có)

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: Bản đồ số vùng nguyên liệu và truy xuất nguồn gốc nông sản chủ lực tỉnh Đồng Tháp

2. Phân loại (chọn nếu thuộc các loại hình sau):

- Cấp bách Đặc biệt Phát triển công nghệ chiến lược
- Giải mã công nghệ Mua bí quyết công nghệ
- Liên kết Hợp tác công tư
- Hợp tác quốc tế (tên hoạt động hợp tác): ...
- Thuộc chương trình (tên chương trình/mã số chương trình): .../.....

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ (không có)

1. Nhiệm vụ 1:

a) Loại hình nhiệm vụ: Chọn một mục.

b) Tính cấp thiết của nhiệm vụ: ...

c) Mục tiêu: ...

d) Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:...

d) Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí:.....triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ:triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:triệu đồng, từ nguồn

Thời gian:.....tháng

e) Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Mã định danh tổ chức:

2. Nhiệm vụ 2:

ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ BÀI TOÁN 2

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức đặt hàng: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Mã định danh điện tử của tổ chức:

2. Tên nội dung đặt hàng: Phát triển Logistics thông minh phục vụ nông nghiệp và thương mại điện tử.

3. Tính cấp thiết:

Đồng Tháp là tỉnh có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp với nhiều ngành hàng chủ lực như lúa gạo, xoài, cá tra, hoa kiểng và các loại hàng hóa đặc trưng khác. Sản lượng nông sản lớn, phân bố trên nhiều vùng nguyên liệu tập trung, tuy nhiên hệ thống logistics phục vụ thu gom, bảo quản, vận chuyển và phân phối nông sản vẫn còn nhiều hạn chế. Hoạt động logistics chủ yếu được thực hiện theo phương thức truyền thống, thiếu sự kết nối và điều phối dựa trên dữ liệu, dẫn đến chi phí vận chuyển cao, thời gian lưu thông hàng hóa kéo dài và khó tối ưu hóa chuỗi cung ứng sản phẩm.

Bên cạnh đó, dữ liệu liên quan đến kho bãi, trung tâm logistics, phương tiện vận chuyển, luồng hàng hóa và vùng nguyên liệu hiện chưa được số hóa và quản lý tập trung. Việc thiếu thông tin tổng hợp và công cụ phân tích dữ liệu khiến công tác điều phối vận tải, dự báo nhu cầu logistics và kết nối tiêu thụ nông sản, hàng hóa trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, xu hướng phát triển nông nghiệp hiện đại và thương mại điện tử đòi hỏi phải có hệ thống logistics thông minh, có khả năng kết nối đồng bộ giữa sản xuất, vận chuyển, lưu trữ và tiêu thụ.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang được đẩy mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và thương mại, việc xây dựng hệ thống logistics thông minh trên nền tảng dữ liệu số là yêu cầu cấp thiết.

4. Mục tiêu:

Xây dựng bản đồ số logistics tỉnh Đồng Tháp, tích hợp với bản đồ số vùng nguyên liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Phát triển mô-đun quản lý, phân tích và điều phối logistics (theo dõi luồng hàng, năng lực kho bãi, thời gian vận chuyển).

Kết nối hệ thống logistics thông minh với nền tảng thương mại điện tử, hỗ trợ xử lý đơn hàng, phân phối và giao nhận hàng hóa.

5. Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:

- Bản đồ số logistics tỉnh Đồng Tháp, thể hiện đầy đủ kho bãi, trung tâm logistics, tuyến vận chuyển chính.
- Bộ cơ sở dữ liệu logistics số phục vụ quản lý, điều phối và hoạch định chính sách.
- Hệ thống quản lý và phân tích logistics thông minh (phiên bản thí điểm) kết nối với nông nghiệp số và thương mại điện tử đạt chỉ tiêu:
 - + Tỷ lệ trên 80% kho bãi, trung tâm logistics và tuyến vận chuyển nông sản được số hoá.
 - + Có 60%-80% số doanh nghiệp logistics, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp tham gia hệ thống.
 - + Chi phí logistics trong vận chuyển và phân phối nông sản giảm 10% so với hiện nay và tăng dần theo các năm.

6. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí: 12.000 triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ: 12.000 triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:.....triệu đồng, từ nguồn
.....

Thời gian: 18 tháng

7. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại/Email:

8. Tổ chức đặt hàng cam kết:

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cam kết tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu để phục vụ công tác quản lý, quy hoạch hệ thống logistics thông minh trên nền tảng dữ liệu số, nhằm tối ưu điều phối vận tải, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản tỉnh Đồng Tháp.

9. Cơ quan Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả (nếu có yêu cầu tiếp nhận): Sở Công thương tỉnh Đồng Tháp.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ (nếu có)

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: Phát triển Logistics thông minh phục vụ nông nghiệp và thương mại điện tử

2. Phân loại (chọn nếu thuộc các loại hình sau):

- Cấp bách Đặc biệt Phát triển công nghệ chiến lược
- Giải mã công nghệ Mua bí quyết công nghệ
- Liên kết Hợp tác công tư
- Hợp tác quốc tế (tên hoạt động hợp tác): ...
- Thuộc chương trình (tên chương trình/mã số chương trình):/.....

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ (không có)

1. Nhiệm vụ 1:

a) Loại hình nhiệm vụ: Chọn một mục.

b) Tính cấp thiết của nhiệm vụ: ...

c) Mục tiêu: ...

d) Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:...

d) Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí:.....triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ:triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:triệu đồng, từ nguồn

Thời gian:.....tháng

e) Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Mã định danh tổ chức:

2. Nhiệm vụ 2:

ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ BÀI TOÁN 3

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tổ chức đặt hàng: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Mã định danh điện tử của tổ chức:

2. Tên nội dung đặt hàng: Ứng dụng công nghệ chọn lọc gen cải thiện chất lượng giống và sinh sản nghịch vụ cá tra.

3. Tính cấp thiết:

Cá tra là một trong những loài thủy sản chủ lực của quốc gia với kim ngạch xuất khẩu hàng năm hơn 02 tỷ USD và Đồng Tháp là một tỉnh có diện tích nuôi cá tra cũng như sản lượng của nhà máy chế biến cá tra lớn nhất nước nhưng chưa có nhiều Trung tâm, trại nuôi quy mô, tầm vóc theo tiêu chuẩn quốc tế về giống cá tra chất lượng cao. Bên cạnh đó, hiện nay ngành thủy sản đang đối mặt với ba thách thức lớn:

- Thoái hóa giống: Trong bối cảnh hiện tại, chất lượng giống suy giảm (cận huyết, thiếu cá bố mẹ đạt chuẩn) do phần lớn con giống cá tra được sản xuất từ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ hoặc hộ gia đình, các quy chuẩn kiểm soát tính đa dạng di truyền, tránh cận huyết, tránh thoái hóa giống vẫn chưa được thực hiện một cách phổ biến. Những năm gần đây, các trường hợp cá dị tật như: thiếu vây, thiếu nắp mang, cong vẹo khung xương, chậm lớn, sức chống chịu bệnh tật và thay đổi môi trường ngày càng kém đi, kéo theo giảm sức đề kháng, tỉ lệ sống và tốc độ tăng trưởng ngày càng giảm. Điều này dẫn đến chất lượng, số lượng con giống không ổn định ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của ngành hàng cá tra. Vấn đề con giống đã được đề cập nhiều năm nhưng chưa được giải quyết triệt để.

- Biến đổi khí hậu và Dịch bệnh: Với sự xuất hiện của nhiều đập thủy điện cũng như các hoạt động nuôi trồng, khai khoáng khác ở thượng và trung nguồn của sông Mekong, nguồn nước ngọt chảy về đồng bằng Sông Cửu Long ngày càng ít hơn, kém chất lượng hơn và ngày càng thay đổi cực đoan, không còn theo quy luật tự nhiên một cách đều đặn. Biên độ nhiệt độ trong ngày biến động cao, đặc biệt những thời điểm mùa lạnh nhiệt độ giảm sâu ảnh hưởng rất lớn đến việc sinh sản và ương dưỡng giống cá tra. Tình hình xâm nhập mặn diễn ra với tần suất nhiều hơn và ngày càng nghiêm trọng hơn. Về khía cạnh sinh học, các mầm bệnh gây thiệt hại cho cá tra ngày càng tiến triển nghiêm trọng hơn do khả năng kháng kháng sinh ngày càng mạnh hơn, và biến thể ra nhiều chủng nguy hiểm hơn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế và chậm: Mỗi ngành thủy sản trên thế giới đều trải qua các giai đoạn khó khăn đặc thù và họ đã vượt lên thông qua con đường duy nhất đó là khoa học công nghệ. Cụ thể: Con cá hồi của Na Uy, trước đây họ cũng gặp các vấn đề tương tự, chậm lớn, FCR cao, thời gian nuôi dài, bệnh nhiều, giá thành nuôi cao, khó cạnh tranh với các nước sản xuất cá hồi khác như Chile... Thông qua khoa học công nghệ, họ đã thành công ở các chương trình chọn lọc gen, vaccine, nuôi trong hệ thống bể có kiểm soát môi trường, mầm bệnh, cải thiện dinh dưỡng thức ăn, tối ưu hóa môi trường sống. Đến nay, chúng ta đều biết đến Na Uy là quốc gia hàng đầu nuôi cá hồi hiệu quả, thời gian nuôi ngắn, FCR thấp, tỉ lệ sống cao, ít bệnh tật, giá thành nuôi thấp, chất lượng thịt tốt. Với nền tảng khoa học công nghệ đã đạt được, họ còn vượt xa hơn các mục tiêu cao hơn. Con tôm, cá chêm, cá rô phi... đều thông qua con đường tương tự. Con cá tra của chúng ta cần phải đẩy nhanh tiến độ áp dụng khoa học công nghệ để củng cố vị trí số 1 của mình. Ở thời điểm nào đó trong tương lai gần, rào cản hay ưu thế tự nhiên không còn là yếu tố then chốt quyết định sự thành công, khoa học, công nghệ mới là yếu tố đột phá, quyết định trong con đường phát triển dài hạn. Các nước láng giềng như Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc, Banglades, Indonesia, Malaysia đang rất quan tâm, đầu tư nghiên cứu nhiều hướng khác nhau để phát triển ngành cá tra của họ, có khả năng cạnh tranh trực tiếp với chúng ta trong tương lai gần. Với ưu thế mọi mặt của chúng ta trong sản xuất cá tra hiện tại, cần phải tối ưu hóa nguồn lực đất đai, tài chính, khoa học công nghệ, cũng như yếu tố con người để tạo nên một quy trình nuôi đồng bộ, hoàn chỉnh ổn định về chất lượng, số lượng từ con bố mẹ đến sản phẩm cuối cùng trên bàn ăn, mang tính đột phá mạnh mẽ, bền vững, ổn định, tạo khoảng cách vượt trội xa hơn với các đối thủ tiềm năng.

4. Mục tiêu:

Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn lọc gen nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng con giống cá tra:

Xây dựng quy trình sản xuất giống nghịch mùa hiệu quả: Đảm bảo sản lượng cá tra giống các tháng nghịch mùa, đáp ứng sản lượng nguyên liệu ổn định phục vụ cho khâu chế biến xuất khẩu, cải thiện điểm nghẽn của ngành hiện nay.

Nghiên cứu và sản xuất kích dục tố sinh sản hHCG tái tổ hợp đạt quy mô lớn với tổng hoạt tính $\geq 2 \times 10^6$ IU thay thế HCG trên thị trường.

Hình thành Trung tâm giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn, năng lực cung ứng thuộc top 3 khu vực.

5. Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:

Quy trình kỹ thuật chọn lọc gen cải thiện tốc độ tăng trưởng và kháng bệnh trên cá tra: Tạo đàn cá bố mẹ chất lượng cao 10.000 – 15.000 con, đủ sản xuất 9 – 12 tỷ bột/năm thông qua chương trình chọn lọc gen.

Quy trình sinh sản cá tra bột ổn định chất lượng, sản lượng mùa nghịch: Sinh sản tối thiểu 200 triệu bột từ tháng 11 đến tháng 2 của mùa nghịch hàng năm và có khả năng nhân rộng đại trà theo nhu cầu sản xuất từ năm 2028.

Quy trình ương nuôi cá tra giống kiểm soát môi trường, mầm bệnh trong mùa nghịch: Sản xuất tối thiểu 24 triệu con cá hương/năm (mẫu 1.000 con/kg) với tỉ lệ sống >30%, có khả năng nhân rộng đại trà theo nhu cầu sản xuất từ năm 2028.

Sản xuất kích dục tố sinh sản hHCG tái tổ hợp đạt quy mô lớn với tổng hoạt tính $\geq 2 \times 10^6$ IU.

Chuyển giao mô hình sản xuất con giống sạch bệnh, tăng trưởng nhanh, định mức chế biến tốt, thông qua chương trình chọn lọc gen kết hợp với ứng dụng vaccine, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu giúp gia tăng giá trị, nâng cao lợi thế cạnh tranh cũng như phát triển bền vững ngành hàng cá tra.

6. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí: 60.000 triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ: 60.000 triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:.....triệu đồng, từ nguồn

Thời gian: 48 tháng

7. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại/Email:

8. Tổ chức đặt hàng cam kết:

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cam kết tiếp nhận, tổ chức quản lý, sử dụng kết quả nghiên cứu để phục vụ công tác quản lý ngành, cung ứng sản phẩm giống thủy sản chất lượng cao và phục vụ xuất khẩu.

9. Cơ quan Nhà nước nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả (nếu có yêu cầu tiếp nhận): Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp chủ

trì phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống để triển khai ứng dụng.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ/CỤM NHIỆM VỤ/CHUỖI NHIỆM VỤ (nếu có)

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ: Ứng dụng công nghệ chọn lọc gen cải thiện chất lượng giống và sinh sản nghịch vụ cá tra.

2. Phân loại (chọn nếu thuộc các loại hình sau):

- Cấp bách Đặc biệt Phát triển công nghệ chiến lược
- Giải mã công nghệ Mua bí quyết công nghệ
- Liên kết Hợp tác công tư
- Hợp tác quốc tế (tên hoạt động hợp tác): ...
- Thuộc chương trình (tên chương trình/mã số chương trình): .../.....

III. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NHIỆM VỤ (không có)

1. Nhiệm vụ 1:

a) Loại hình nhiệm vụ: Chọn một mục.

b) Tính cấp thiết của nhiệm vụ: ...

c) Mục tiêu: ...

d) Dự kiến kết quả, hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện:...

d) Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:

Tổng kinh phí:.....triệu đồng

+ Kinh phí do Quỹ tài trợ:triệu đồng

+ Kinh phí từ nguồn khác:triệu đồng, từ nguồn

Thời gian:.....tháng

e) Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)

Tên tổ chức:

Mã định danh tổ chức:

2. Nhiệm vụ 2: